TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chí Hướng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981; cư trú tại ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Ánh T – Luật sư của Văn Phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Minh C, sinh năm 1974; đăng ký thường trú tại ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam M thuộc Bộ Công an; địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T trình bày:

Vào năm 2001, bà Huỳnh Thanh T và ông Trịnh Minh C quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và về chung sống với

nhau như vợ chồng. Đến năm 2008, bà T và ông C đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyển số 01, ngày 27/8/2008. Thời gian đầu, vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau thì cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống và hay cãi vã nhau ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Vào ngày 13/6/2015, khi vợ chồng cãi vã thì ông C đã dùng cây tre đánh bà T nhiều cái vào đầu, sau đó mẹ bà T là bà Nguyễn Thị T vào can ngăn thì ông C dùng cây đánh nhiều cái vào đầu bà Nguyễn Thị T dẫn đến bà Nguyễn Thị T tử vong, bà T bị thương tích 23%. Sau khi sự việc xảy ra thì được pháp luật giải quyết và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử ông Trịnh Minh C 20 năm tù giam về tội "giết người" và "cố ý gây thương tích". Hiện nay ông Trịnh Minh C đang chấp hành án tại Trại giam M, địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Nay bà T cảm thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông C có hai người con chung tên Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Huỳnh Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Minh C.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014 cho đến khi cháu N và cháu A đủ 18 tuổi, bà Huỳnh Thanh T không yêu cầu ông Trịnh Minh C cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 02 năm 2018 bị đơn ông Trịnh Minh C trình bày:

Ông C và bà T cưới nhau năm 2001. Đến năm 2008, ông C và bà T đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2008. Trong thời gian chung sống, ông và bà T có 02 người con chung tên Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014. Hiện nay hai con chung đang sống chung với bà T. Trong quá trình chung sống, ông và bà T tạo lập được một số tài sản chung, ông, bà không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ ông, bà.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông C có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông C đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông C đồng ý giao hai con chung tên Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014 cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông C thống nhất tự thỏa thuận với bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông C thống nhất ông và bà T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn, bị đơn đánh đập nguyên đơn gây thương tích làm cho tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn càng thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống chung được. Đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung thì nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn nhau đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn và bị đơn được ly hôn. Về con chung, nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Đối với bị đơn ông Trịnh Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh Minh C.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981 và ông Trịnh Minh C, sinh năm 1974 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là huyện T), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 151, quyển số 01, ngày 27/8/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thanh T và ông Trịnh Minh C là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà T, ông C hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 13/6/2015, khi vợ chồng cãi vã thì ông C đã dùng cây tre đánh bà T nhiều cái vào đầu, sau đó mẹ bà T là bà Nguyễn Thị T vào can ngăn thì ông C dùng cây đánh nhiều cái vào đầu bà Nguyễn Thị T dẫn đến bà Nguyễn Thị T tử vong, bà T bị thương tích 23% và hiện nay ông Trịnh Minh C đang chấp hành án hình phạt tù. Trong cuộc sống vợ, chồng có mâu thuẫn xảy ra, ông C dùng bạo lực gia đình để giải quyết mâu thuẫn làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[6] Về con chung: Tại phiên toà sơ thẩm, bà T yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà T, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2018, cháu Trịnh Thị Huỳnh N thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà T nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 18/02/2002 cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Cháu Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014, hiện nay do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên về mặt tình cảm cháu A gắn bó với bà T nhiều hơn và từ khi sinh ra đến nay cháu A chung sống với bà T và cũng để cho cháu A ổn định cuộc sống nên Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Trịnh Thị Lan A cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông C là phù hợp.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014 đến tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, ông Trịnh Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T.

[9] Về tài sản chung: Bà T thống nhất tự thỏa thuận với ông C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về nợ chung: Bà T và ông C thống nhất ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Bà Huỳnh Thanh T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Trịnh Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh T và ông Trịnh Minh C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Huỳnh N, sinh ngày 30/4/2002 và cháu Trịnh Thị Lan A, sinh ngày 18/02/2014 cho bà Huỳnh Thanh T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông Trịnh Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Trịnh Minh C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Huỳnh Thanh T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thanh T thống nhất tự thỏa thuận với ông Trịnh Minh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thanh T và ông Trịnh Minh C thống nhất ông, bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Bà Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006513 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Huỳnh Thanh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn